TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU
Số: 11A/2021/QĐCNKQHGT – HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Giá Rai, ngày 20 tháng 03 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào các Điều 32, Điều 33, Điều 34 và Điều 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 05 tháng 03 năm 2021 về việc các bên thỏa thuận được với nhau về các vấn trong vụ án thụ lý s ố: 02/2021/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp "Ly hôn và nuôi con";

XÉT THẤY:

Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án thì các bên có yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành. Ngày 05 tháng 03 năm 2021 Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo do hòa giải viên chuyển đến.

Qua xem xét hồ sơ vụ việc, các bên khi tham gia hòa giải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự; các bên là người trực tiếp có quyền, nghĩa vụ đối với các nội dung thỏa thuận và nội dung thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, các bên không có thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa:
– Người khởi kiện: Chị **Phạm Thị N**, sinh năm 1993
+ Địa chỉ: Ấp 10A, xã TP, thị xã GR, tỉnh BL
– Người bị kiện: Anh **Lê Mười B**, sinh năm 1984
+ Địa chỉ: Ấp NDA, xã TP, thị xã GR, tỉnh BL
2. Nội dung hòa giải thành được công nhận:
+ Về hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Lê Mười B thống nhất thuận tình ly hôn.
+ Về con chung: tiếp tục giao con chung tên Lê Sương L, sinh ngày 31/03/2013 cho chị Phạm Thị N nuôi dưỡng, tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh Lê Mười B.

Anh Lê Mười B không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom , chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

+ Về nợ chụng, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thõa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền xem xét lại quyết định trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định.

<u>Nơi nhận</u>:
+ Đương sự;
+ VKSND thị xã GR;
+ UBND xã TP, thị xã GR;
+ Lưu hồ sư vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Văn Thiêm